

Phụ lục III

MỘT SỐ MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CƠ BẢN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /6/2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Mục tiêu, nhiệm vụ	ĐVT	Số đầu kỳ (Ghi số liệu cụ thể)	Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030	Trong đó lũy kế theo năm					Ghi chú
					Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	
I	MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ									
1	Tăng thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số	triệu đồng/ người		112					112	
2	Giảm hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào DTTS&MN	hộ	15.179	<10%					<10%	
3	Số xã vùng đồng bào DTTS&MN thoát khỏi tình trạng ĐBKK	xã	73	100%					100%	
4	Số thôn vùng đồng bào DTTS&MN thoát khỏi tình trạng ĐBKK	thôn	608	100%					100%	
5	Tỷ lệ dân số các dân tộc có khó khăn đặc thù tăng so với đầu kỳ	người	2	20%					20%	
II	MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU									
6	Số xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông	xã	93	100%					100%	
7	Số thôn có đường trục chính được cứng hoá	thôn		100%					100%	
8	Số thôn có đường ô tô kết nối với trung tâm xã hoặc các trục đường chính, quốc lộ, tỉnh lộ được rải nhựa hoặc bê tông bảo đảm đi lại quanh năm	thôn		100%					100%	
9	Số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp	hộ		100%					100%	
10	Số hộ dân đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh,	hộ		100%					100%	
11	Trong đó hộ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn	hộ		20%					20%	
12	Số hộ dân đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh	hộ		100%					100%	
13	Số người dân vùng đồng bào DTTS&MN tiếp cận và sử dụng dịch vụ internet, hạ tầng số góp phần thực hiện chuyển đổi số quốc gia.	%	80%	100%					100%	

14	Cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, các xã biên giới, được đầu tư có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị để dạy và học	cơ sở		100%					100%	
15	Số lượng các trường phổ thông trên địa bàn các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, các xã biên giới được đầu tư có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị để dạy và học	trường		100%					100%	
16	Số lượng các trường phổ thông dân tộc nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, các xã biên giới được đầu tư có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị để dạy và học	trường		100%					100%	
17	Số lượng các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, các xã biên giới được đầu tư có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị để dạy và học	trường		100%					100%	
18	Số lượng các trường phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, các xã biên giới được đầu tư có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị để dạy và học	trường		100%					100%	
19	Số lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, các xã biên giới được đầu tư có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị để dạy và học	cơ sở		100%					100%	
20	Số lượng cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, các xã biên giới được đầu tư có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị để dạy và học	cơ sở		100%					100%	
21	Số lượng cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, các xã biên giới được đầu tư có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị để dạy và học	cơ sở		100%					100%	
22	Số hộ được hỗ trợ đất ở	hộ		100%					100%	
23	Số hộ được hỗ trợ nhà ở	hộ		100%					100%	
24	Số hộ được hỗ trợ đất sản xuất	hộ		100%					100%	
25	Số hộ được bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư	hộ		100%					100%	
26	Số lượng công trình được xây mới hoặc cải tạo, nâng cấp chống sạt lở tại các điểm xã, thôn có nguy cơ sạt lở cao, ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực dân cư, trường học	công trình		100%					100%	
27	Số lượng các công trình đặc thù phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh - quốc phòng ở địa bàn các xã biên giới, các khu kinh tế quốc phòng, địa bàn chiến lược về quốc phòng - an ninh được đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp	công trình		100%					100%	